

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 26/9/2022

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 370/2022/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo **Lê Văn A và đồng phạm có kháng cáo** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bi cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn A (tên gọi khác: Tư), sinh ngày 09/6/1991 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ 15, thôn T, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lái xe; con ông Lê Văn X và con bà Phan Thị Th; bị cáo có vợ tên là Đoàn Thị Th1 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017 và con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/02/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Quốc K, sinh ngày 10/10/1988 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ 14, thôn T, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Võ Quốc L1 và con bà Nguyễn Thị Tr; bị cáo có vợ tên là bà Nguyễn Thị Hồng H7 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2008 và con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/02/2017 đến ngày 31/3/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Quốc L1, sinh ngày 15/10/1986 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ 6, thôn A1, xã B1, huyện T1, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lái xe; con ông Nguyễn Đào H và con bà Trần Thị Tú A; bị cáo có vợ tên là Phan Như Quỳnh C và có 02 con, con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 21/9/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 22/7/2012 bị Công an huyện T1, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Hủy hoại tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/6/2018 đến ngày 31/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Phùng Long A2 (tên gọi khác: Tô), sinh ngày 20/5/1989 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 22, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: tổ 5B, thôn Đ1 (nay là thôn G1), xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông Phùng C1 và con bà Trần Thị H2; bị cáo có vợ tên là Phan Hoàng Ngọc Tr và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 05/9/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 22/6/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xử phạt 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn N1, sinh ngày 14/10/1990 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Đội 13, thôn T2, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Lê Văn T3 và con bà Nguyễn Thị M có vợ tên là Nguyễn Thị Kiều T4; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thị N2, sinh ngày 12/12/1982 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ 5A, thôn Đ1 (nay là thôn G1), xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Nguyễn D và con bà Nguyễn Thị L; bị cáo có 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

7. Lê Trọng H3, sinh ngày 19/4/1982 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khối phố 6, phường A3, thành phố T5, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: lái xe; con ông Lê Trọng H và con bà Phạm Thị Thúy L; bị cáo có vợ tên là Lê Thị Hiền L và có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 13/6/2005 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Võ Xuân H4, sinh ngày 01/01/1966 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 7A, xã T6, huyện T7, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Võ Xuân T8 và con bà Trần Thị H5; bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Lệ Ch và có 05, con lớn nhất sinh năm 1985 và con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 01/01/1997 bị Công an huyện T7, tỉnh Quảng Nam xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Ngày 13/11/2003 bị Tòa án nhân dân thị xã T5, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”.

Ngày 29/12/2011 bị Công an huyện T7, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/02/2017, thông qua sự giới thiệu của anh Trần Văn M1 (tên gọi khác: Tuấn, sinh năm 1979; trú tại: thôn TĐ, xã Đ4, huyện Đ3, tỉnh Quảng Nam), Phùng Long A2 (tên gọi khác: Tô, sinh năm 1989; trú tại: thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Quảng Nam) cùng với Nguyễn Thị N2 (sinh năm 1982; trú tại: thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Quảng Nam) đi đến sông bạc xóc đĩa tại khu vực bãi Mồ Côi thuộc tổ 8, thôn A1, xã B1, huyện T1, tỉnh Quảng Nam để tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Khi đi A2 mang theo 30.000.000 đồng, N2 mang theo 20.000.000 đồng. Từ lúc 14 giờ đến 16 giờ ngày 16/02/2017 tại sông bạc có khoảng 80 đến 100 người tham gia đặt cược, số tiền trên chiếu bạc mỗi ván từ 20.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng. Ngoài A2,

N2 thì tại sông bạc lúc này còn có Phan Tấn Th2 (sinh năm 1977; trú tại: tổ 14, thôn TN, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam), Nguyễn Hữu Q1 (sinh năm 1985; trú tại: tổ 6, thôn A1, xã B1, huyện T1, tỉnh Quảng Nam), Nguyễn Quốc L1 (sinh năm 1986; trú tại: tổ 6, thôn A1, xã B1, huyện T1, tỉnh Quảng Nam là người thu tiền xâu mỗi con bạc 200.000 đồng), Tèo Thị, Thành, Tiến, Kim, Hội, Bi và nhiều người khác (không xác định được tên tuổi, địa chỉ) cùng tham gia đánh bạc tại sông bạc xóc đĩa trên. Trong quá trình đánh bạc, A2 thua 40.000.000 đồng (Ấn có mượn của N2 18.000.000 đồng), N2 thắng 8.000.000 đồng, Th2 thua 2.000.000 đồng, còn Q1 không xác định được số tiền thắng thua. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì các đối tượng rời khỏi sông bạc đi về nhà.

Đến khoảng 13 giờ 00 phút ngày 17/02/2017 Phùng Long A2 cùng với Nguyễn Thị N2 và Lê Văn N1 (sinh năm 1990; trú tại: tổ 13, thôn T2, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Quảng Nam) đón taxi đi đến sông bạc xóc đĩa trên để chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền. Từ lúc 14 giờ 00 phút đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, tại sông bạc trên có khoảng 80 đến 100 người chơi xóc đĩa với nhau. Mỗi ván có số tiền dưới chiếu bạc từ 20.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng. Những người tham gia đánh bạc gồm: A2, N1, N2, Nguyễn Hữu Q1, Phan Tấn Th2, Võ Xuân H4 (sinh năm 1966; trú tại: thôn 7A, xã T6, huyện T7, tỉnh Quảng Nam) cùng một số đối tượng gồm: Thành, Tèo Thị, Kim, Hội, Bi, Tiến và nhiều người khác (không xác định được tên tuổi, địa chỉ). Nguyễn Quốc L1 đứng ra thu tiền xâu mỗi con bạc là 200.000 đồng. Số tiền đánh bạc cụ thể như sau:

Phùng Long A2 đem theo số tiền 18.000.000 đồng, trả cho N2 13.000.000 đồng còn lại 5.000.000 đồng, A2 cầm cố cho L1 một cái điện thoại Iphone 6 với giá 5.000.000 đồng. Tổng cộng A2 có 10.000.000 đồng. A2 đặt tổng cộng 06 ván, mỗi ván đặt khoảng 2.000.000 đồng. A2 thua hết số tiền 6.300.000 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền xâu nộp cho L1) thì không đánh nữa mà ra ngoài ngồi chơi, còn lại trong người 3.700.000 đồng.

Nguyễn Thị N2 đem theo 22.000.000 đồng. Khi lên xe thì A2 trả cho N2 13.000.000 đồng (tiền mượn vào ngày 16/02/2017). Tổng cộng N2 có 35.000.000 đồng. N2 đặt cược từ 07 đến 10 ván, mỗi ván từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Kết quả N2 thua 3.000.000 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền xâu nộp cho L1) còn lại 32.000.000 đồng trong người.

Lê Văn N1 đem theo 1.500.000 đồng, N1 chơi khoảng 30 đến 40 ván, mỗi ván đặt từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng. Trong quá trình chơi, N1 nộp tiền xâu cho L1 200.000 đồng, N1 làm vỡ chén nên đền 200.000 đồng (Lộc thu số tiền này). Kết quả N1 thắng 100.000 đồng, số tiền còn lại trong người 1.200.000 đồng.

Phan Tấn Th2 đem theo số tiền 55.000.000 đồng (trong số tiền này có số tiền 30.000.000 đồng do Lê Văn A cầm cố xe xe mô tô biển kiểm soát 92H1-

414.20 của mình và cho Phan Tấn Th2 mượn). Th2 đặt cược 20 đến 25 ván, mỗi ván đặt cược với số tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Kết quả Th2 thua số tiền 55.000.000 đồng.

Nguyễn Hữu Q1 mang theo số tiền 150.000.000 đồng, Q1 đặt cược 30 đến 40 ván, mỗi ván đặt cược với số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Kết quả Q1 thua với số tiền 150.000.000 đồng.

Trong quá trình các con bạc tham gia đặt cược thì 02 đối tượng Lê Văn A (tên gọi khác: Tư; sinh năm 1991; trú tại: tổ 15, thôn T, xã B, huyện T1) và Võ Quốc K (sinh năm 1988; trú tại: tổ 14, thôn T, xã B, huyện T1) cũng có mặt tại sông bạc. A và K đi theo Th2 nhưng không tham gia đánh bạc.

Trong quá trình tham gia đánh bạc, N1 làm vỡ chén thì một con bạc (không xác định được lai lịch, địa chỉ) lấy một chén khác thay thế vào và tiếp tục chơi đánh bạc. Nguyễn Quốc L1 thu của N1 số tiền 200.000 đồng vì đã làm vỡ chén. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Tèo Thị làm vỡ chén và các con bạc phát hiện dưới đáy chén bị vỡ có thiết bị lạ (dạng thiết bị điện tử) nên các con bạc nghi ngờ có người chơi đánh bạc gian lận. Lúc này, Q1 đứng lên nói lớn “Mọi người đứng im để kiểm tra từng người, xem ai đánh bạc gian lận”; tiếp đó Q1 hỏi “Ai đã làm vỡ chén trước đó” thì N1 trả lời “Em làm”. Lúc này, A2 liền rút thiết bị điện tử đang cầm trên tay xuống đất. Thấy vậy, Th2 nói lớn “Ai rút gì đó?” thì A2 hoảng sợ nhặt thiết bị này lên rồi bỏ làm đôi. Liền lúc này, A chạy lại dùng tay kẹp cổ, khống chế A2; Q1, Th2 cùng nhiều con bạc cũng xông vào hành hung, đánh đập A2, N1.

Sau đó, những người này cùng nhau khống chế đưa A2 và N1 từ sông bạc đi ra khu vực bờ ruộng gần đó, nơi có hàng rào tre (cách sông bạc khoảng 100m) để tiếp tục đánh, tra khảo xem ai dắt vào sông bạc, những người đi cùng đánh gian lận và số tiền thắng được. A2, N1 hoảng sợ nên đã khai có N2 đi cùng. Sau đó Q1, L1 quay lại sông bạc tìm N2 và Q1 dùng tay nắm chặt tóc N2 lôi ra khu vực hàng rào tre. Tại đây Q1, Th2 cùng nhiều con bạc khác (không xác định được lai lịch) tiếp tục đánh A2, N1, N2 và lục túi lấy của A2 số tiền 3.700.000 đồng, lấy của N1 số tiền 1.200.000 đồng và lấy N2 số tiền 32.000.000 đồng. Tuy nhiên bản thân A2, N1, N2 không xác định được ai là người đã lấy số tiền trên.

Tiếp sau đó Q1 cùng những người này dẫn A2, N1, N2 đi ra khu vực đập nước (cách hàng rào tre khoảng 50m) và hù dọa, dùng tay, chân đánh A2, N1. Tại đây Q1 yêu cầu N2, N1, A2 muốn về nhà an toàn phải gọi gia đình mang tiền đến chuộc với số tiền: N2 và N1 mỗi người 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), A2 “đầu sỏ” là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). N2, N1, A2 van xin Q1 và đồng bọn “giảm giá” tiền chuộc nhưng Q1 không đồng ý.

Sau đó A2 gọi điện thoại về báo tin cho anh Phan Hoàng A (anh vợ của A2), Phan Hoàng A đã thông báo cho em gái là Phan Hoàng Ngọc Tr (sinh năm

1991 là vợ của A2) biết sự việc. N1 gọi điện về cho ông Lê Văn Th2 (sinh năm 1964 là cha của N1) biết sự việc và nói đem tiền chuộc vào. N1, N2 có nói với Q1 và Th2 là gia đình khó khăn quá xin giảm xuống 50.000.000 đồng và được Q1, Th2 đồng ý. N2 van xin về nhà vì có con còn nhỏ. N2 bảo đưa N2 đến Ngã 3 Cây Cốc huyện T1 để N2 vào nhà cậu ruột mượn tiền để tự chuộc mình về thì được Th2, Q1 đồng ý. Sau đó Phan Tấn Th2 nói Võ Quốc K dùng xe mô tô biển kiểm soát 43S1-6720 (xe của K) chở N2 đến nhà cậu ruột là ông Nguyễn Văn L3 (tên gọi khác là Tý, sinh năm 1970; trú tại: tổ 14, thị trấn H6, huyện T1) mượn tiền nhưng ông L3 nói không có tiền. Thấy N2 không mượn được tiền nên K điện thoại xin ý kiến của Th2 và được Th2 chỉ đạo buộc N2 viết giấy nhận nợ của Th2 số tiền là 50.000.000 đồng, N2 và K ký vào Biên bản. Sau khi viết giấy nhận nợ xong, K yêu cầu N2 cởi trang sức trên người N2 đưa cho K và N2 có ghi cụ thể số nữ trang (gồm 01 chiếc nhẫn vàng có ký hiệu 610KM*80N; 01 chiếc nhẫn vàng có ký hiệu 003; 01 chiếc nhẫn vàng có ký hiệu 8KMVA4; 01 lách đeo tay vàng có ký hiệu TD610T; 01 dây chuyền vàng có ký hiệu TD610 và 01 mặt dây chuyền vàng hình bông mai có ký hiệu KMJ) vào một tờ giấy lịch rồi đưa cho K. Mục đích K yêu cầu N2 đưa trang sức cho K là để đảm bảo cho việc chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng mà N2 đã viết trong giấy nhận nợ. Việc K nhận nữ trang của N2 thì Th2 không hề biết. Sau khi trở về K đưa giấy nhận nợ cho Th2 và Th2 đưa giấy này cho chị Nguyễn Thị Lệ Vân (vợ của Th2) cất giữ, còn số nữ trang của N2 và tờ giấy mà N2 ghi số nữ trang thì K đưa cho chị Nguyễn Thị Hồng H7 (vợ của K) cất giữ. Trong ngày 18/02/2017 N2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam trình báo sự việc. Do lo sợ nên vào tối ngày 18 và 19 tháng 02 năm 2017 K đã hai lần đem số nữ trang của N2 đến nhà ông L3 xin trả lại cho N2 nhưng ông L3 không nhận.

Sau khi K chở N2 đi lấy tiền chuộc thì Th2, Q1, A cùng một số đối tượng khác (không xác định được lai lịch) chở A2, N1 về nhà của Q1 để đợi người nhà cầm tiền tới chuộc mới cho về. Buổi tối cùng ngày có Nguyễn Hữu Tr1 (em ruột của Q1, sinh năm 1987; trú tại: tổ 6, thôn A1, xã B1, huyện T1, tỉnh Quảng Nam) cùng hai thanh niên (không rõ lai lịch) đến nhà Q1 để canh giữ A2 và N1. Trong quá trình ăn nhậu thì Nguyễn Quốc L1 có đến nhà Q1 để tham gia nhậu cùng, đến khoảng 22 giờ thì L1 về nhà ngủ. Sau khi ăn nhậu xong, Tr1 ngồi tại ghế salon trong phòng khách nhà Q1 xem tivi và canh giữ A2, N1 trong lúc hai người này nằm ngủ trên nền gạch tại phòng khách.

Sáng 18/02/2017 khi phát hiện thấy những người canh giữ mình ngủ say, A2 bỏ trốn khỏi nhà Q1 nhưng bị một đối tượng đuổi đánh và bắt A2 về lại nhà Q1. Cũng trong buổi sáng ngày 18/02/2017 Q1 và Th2 đe dọa, ép buộc A2 và N1 viết giấy xin tự nguyện ở lại nhà Q1 với lý do đánh bạc bịp ăn tiền. Tại quán cà phê bên cạnh nhà Q1 (quán bà Hồng), Th2 lần lượt đọc nội dung cho A2 và

N1 viết nội dung vào 02 tờ giấy học sinh với nội dung hoàn toàn tương đồng nhau, chỉ có sự khác nhau về chữ viết giữa A2 và N1.

Đến chiều ngày 18/02/2017 Trần Duy Dũng đến nhà Q1 để tham gia canh giữ A2, N1. Tại đây, Dũng phục vụ việc ăn uống cho gia đình Q1 và những người canh giữ và A2, N1. Trong quá trình canh giữ, Tr1 luôn đôn đốc, thúc giục A2, N1 liên lạc với gia đình để nhanh chóng đem tiền chuộc đến để chuộc họ về.

Khoảng 17 giờ ngày 18/02/2017 ông Lê Văn Th2 (cha của N1) tìm đến nhà Q1, chứng kiến việc con trai là N1 cùng với A2 bị giữ tại đây. Ông Lê Văn Th2 van xin và được Q1 với Phan Tấn Th2 đồng ý giảm tiền chuộc xuống còn 35.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/02/2017 ông Lê Văn Th2 đến nhà Q1 và đưa số tiền 35.000.000 đồng cho Q1. Sau đó Q1 để cho ông Lê Văn Th2 đưa N1 về. Số tiền này Q1 đã đem đến sông bạc để chia cho một số con bạc bị thua gian lận. Q1 đã chia cho nhiều người hết số tiền này. Q1 chỉ nhớ chia cho Võ Xuân H4 10.000.000 đồng, còn lại không nhớ rõ đã chia tiền cho những ai. Tuy nhiên, Võ Xuân H4 thừa nhận có nhận 10.000.000 đồng từ Q1 nhưng đây tiền nợ chứ không phải được chia tiền. Sau khi Q1 bị bắt, gia đình của Q1 đã đem số tiền 35.000.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

Cũng trong ngày 18/02/2017 anh Trần Văn M1 và chị Phan Hoàng Ngọc Tr (vợ của A2) có tìm đến nhà Q1 để xin giảm tiền chuộc xuống, tuy nhiên Q1 không đồng ý và buộc phải giao đủ số tiền 500.000.000 đồng thì mới cho A2 về. Sau khi không xin giảm tiền chuộc được, tối ngày 18/02/2017 chị Tr đến trình báo sự việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam. Đến sáng ngày 19/02/2017 chị Tr nhờ anh Trần Văn M1 xin Q1 giảm tiền chuộc xuống. Anh M1 gọi điện cho Q1 để xin giảm tiền chuộc và Q1 bảo gia đình chị Tr chuẩn bị được bao nhiêu tiền rồi thì đem xuống bấy nhiêu để gặp Q1 nói chuyện.

Cũng trong chiều ngày 19/02/2017 Lê Văn A có chở Phan Tấn Th2 đến sông bạc trên tại thôn A1 để chơi. Lê Văn A ở tại sông bạc nhưng không chơi, còn Th2 tham gia chơi đánh bạc cùng với Q1 và nhiều người khác. Quá trình anh M1 gọi điện cho Q1 trao đổi thì Th2 có nghe và Th2 liền nói dối với Q1 là “để cho A2 về vì gia đình họ đã báo công an rồi”. Q1 lo sợ nên đồng ý và giao A2 cho Th2 tự xử lý. Sau khi được Q1 giao nhiệm vụ tự xử lý đối với A2 thì Phan Tấn Th2 liền lấy xe mô tô biển kiểm soát 43H9-3085 tại sông bạc chở Lê Văn A đi đến nhà Q1 để gặp A2 (vì lúc này A2 đang bị bắt giữ tại đây). Th2 nói với Lê Văn A là “đi lấy tiền chuộc 50.000.000 đồng do vợ thằng Tô (tức A2) đưa”. Tại nhà Q1, Th2 gặp A2 và nói với A2 việc vợ của A2 là chị Tr đã chuẩn bị được 50.000.000 đồng và ra điều kiện với A2 là nếu Th2 giải cứu được A2 ra

khỏi nhà Q1 thì A2 phải đưa cho Th2 số tiền 50.000.000 đồng này. Sau đó, Phan Tấn Th2 và Lê Văn A lên kế hoạch để nhận tiền của vợ A2. Lê Văn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43H9-3085 chở A2 ngồi giữa, Th2 ngồi sau đi đến quán nước của ông Lý Ngọc Th3 tại tổ 8, thôn TL, xã BT, huyện T1, tỉnh Quảng Nam để thực hiện việc giao người, nhận số tiền 50.000.000 đồng.

Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 19/02/2017 chị Tr đem tiền chuộc đến quán nước để giao cho Th2 và Lê Văn A. Khi Lê Văn A đang nhận tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam bắt quả tang đối với A và Th2 cùng tang vật là số tiền 50.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động của chị Tr, 01 chiếc điện thoại di động của A2 và 01 con dao bấm thu trong người Phan Tấn Th2.

Quá trình điều tra còn làm rõ: vào ngày 04/02/2017 tại sông bạc xóc đĩa địa chỉ khu vực bãi Mồ Côi thuộc thôn A1, xã B1, huyện T1 có Lê Trọng H3 (sinh năm 1982; trú tại: khối phố 6, phường A3, thành phố T5, tỉnh Quảng Nam), Phùng Long A2, Phan Tấn Th2 tham gia chơi xóc đĩa cùng với khoảng 15 đến 20 người khác (không xác định được tên tuổi, địa chỉ). H3 đặt cược khoảng từ 15 đến 20 ván, mỗi ván H3 đặt cược số tiền từ 300.000 đồng đến 1.300.000 đồng. Tổng số tiền dưới chiếu bạc mỗi ván từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Kết quả H3 thua hết số tiền 11.000.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 28/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1 đã xác định:

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng có ký hiệu 610KM*80N có khối lượng 0,316 chỉ vàng 17K có giá trị 695.200 đồng;

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng có ký hiệu 003, có khối lượng 0,324 chỉ vàng 17K có giá trị 712.800 đồng;

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng có ký hiệu 8KMVA4 có khối lượng 0,504 chỉ vàng 17K có giá trị 1.108.800 đồng;

- 01 (một) lách đeo tay vàng có ký hiệu TD610T có khối lượng 1,562 chỉ vàng 17K có giá trị 3.436.400 đồng;

- 01 (một) dây chuyền vàng có ký hiệu TD610, có khối lượng 1,51 chỉ vàng 17K có giá trị 3.322.000 đồng;

- 01 (một) mặt dây chuyền vàng hình bông mai có ký hiệu KMJ, có khối lượng 0,454 chỉ vàng 17K có giá trị 998.800 đồng;

Tổng cộng số nữ trang trên có giá trị là 10.274.000đ (mười triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 20/7/2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 11/2022/TB-TA ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Quốc L1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt:

Bị cáo Lê Văn A 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 19/02/2017 đến ngày 13/12/2017.

Bị cáo Võ Quốc K 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 24/02/2017 đến ngày 31/3/2017.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 26/6/2018 đến ngày 31/01/2019.

1.3. Áp dụng khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt:

Bị cáo Phùng Long A2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị N2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.4. Áp dụng khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Văn N1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt:

Bị cáo Lê Trọng H3 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Bị cáo Võ Xuân Hoà 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25, 28 tháng 7 năm 2022 các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K, Nguyễn Quốc L1, Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Các bị cáo Võ Quốc K, Nguyễn Thị N2 vắng mặt. Các bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Quốc L1, Phùng Long A2, Lê Văn N1, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Xét nội dung các kháng cáo thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tuyên phạt mỗi bị cáo 10 năm tù là có căn cứ, không nặng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử: bị cáo Nguyễn Quốc L1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo 03 năm tù; xét xử các bị cáo Phùng Long A2, Nguyễn Thị N2, Lê Văn N1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 và xử phạt mỗi bị cáo 02 năm tù; xét xử các bị cáo Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo H3 12 tháng tù, bị cáo H4 09 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K, Nguyễn Quốc L1, Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Phùng Long A2, Nguyễn Quốc L1, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 không tranh tụng. Bị cáo Lê Văn A tranh tụng: bị cáo không tham gia bắt người, mong Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo Lê Văn N1 tranh tụng: bị cáo có bổ sung hồ sơ gia đình liệt sỹ, sổ hưu của ba bị cáo bị tàn tật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: ngày 25, 28 tháng 7 năm 2022 các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K, Nguyễn Quốc L1, Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt. Như vậy, kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn luật định được Hội đồng xét xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm các bị cáo Võ Quốc K, Nguyễn Thị N2 vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa. Xét thấy các bị cáo Võ Quốc K, Nguyễn Thị N2 chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290; Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt các bị cáo Võ Quốc K, Nguyễn Thị N2.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về hành vi phạm tội:

Vào các ngày 16 và 17 tháng 02 năm 2017 tại khu vực bãi Mồ Côi thuộc tổ 8, thôn A1, xã B1, huyện T1, tỉnh Quảng Nam, Phùng Long A2, Nguyễn Thị N2, Lê Văn N1, Phan Tấn Th2, Nguyễn Hữu Q1 tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức xóc đĩa cùng với khoảng trên 80 người khác tham gia, số tiền dưới chiếu bạc mỗi ván từ 20.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng; có từ 04 đến 05 ván có số tiền dưới chiếu bạc trên 50.000.000 đồng (bị cáo N1 chỉ tham gia đánh bạc vào ngày 17/02/2017). Trong đó, Nguyễn Quốc L1 là người đứng ra tổ chức thu tiền xâu và tiền các con bạc làm bể chén dùng để rung lắc các con vị. Đánh bạc ngày 16/02/2017 A2 thua 40.000.000 đồng, N2 thắng 8.000.000 đồng, Th2 thua 2.000.000 đồng, Q1 không xác định được số tiền thắng thua. Đánh bạc ngày 17/02/2017 A2 thua 6.300.000 đồng, N2 thua 3.000.000 đồng, N1 thắng 100.000 đồng, Th2 thua 55.000.000 đồng, Q1 thua 150.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 04/02/2017 tại sòng bạc xóc đĩa tại khu vực bãi Mồ Côi thuộc thôn A1, xã B1, huyện T1 có Lê Trọng H3, Phùng Long A2, Phan Tấn Th2 tham gia chơi xóc đĩa cùng với khoảng 15 đến 20 người khác (không xác định được tên tuổi, địa chỉ). H3 đặt cược khoảng từ 15 đến 20 ván, mỗi ván H3 đặt cược số tiền từ 300.000 đồng đến 1.300.000 đồng. Tổng số tiền dưới chiếu bạc mỗi ván từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Kết quả H3 thua số tiền 11.000.000 đồng. Ngày 17/02/2017 Võ Xuân H4 tham gia đặt cược 01 ván với số tiền 100.000 đồng, số tiền dưới chiếu bạc khoảng từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và H4 thua số tiền này.

Vào khoảng 16 giờ ngày 17/02/2017, Phan Tấn Th2, Nguyễn Hữu Q1 phát hiện Phùng Long A2, Lê Văn N1 và Nguyễn Thị N2 có biểu hiện đánh bạc gian lận nên Q1 cùng với những tham gia đánh bạc bắt giữ, đánh đập A2, N1, N2 và yêu cầu tiền chuộc đối với A2 là 500.000.000 đồng, N1 và N2 mỗi người 100.000.000 đồng thì mới cho về. Sau đó, A2, N1, N2 xin giảm tiền chuộc xuống; tuy nhiên Q1 chỉ đồng ý giảm cho N1, N2 xuống còn 50.000.000 đồng, riêng A2 thì Q1 vẫn giữ nguyên. Vì có con nhỏ nên N2 được Võ Quốc K chở về nhà cậu là ông Nguyễn Văn L3 tại thị trấn H6 để mượn tiền nhưng không mượn được nên Th2 chỉ đạo K yêu cầu N2 viết giấy nhận nợ 50.000.000 đồng. Riêng K còn yêu cầu N2 đưa nữ trang trên người N2 để K giữ làm tin. A2 và N1 bị bắt giữ đưa về nhà của Q1 từ ngày 17/02/2017 đến ngày 19/02/2017. Tại đây, Nguyễn Hữu Tr1, Trần Duy Dũng và hai thanh niên (không rõ lai lịch) thường xuyên canh giữ, hỏi thúc A2, N1 gọi người nhà mang tiền chuộc đến. Sáng ngày 19/02/2017 ông Lê Văn Th2 (cha của N1) mang số tiền 35.000.000 đồng đến giao cho Q1 thì Q1 cho ông Lê Văn Th2 đưa N1 về. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/02/2017, khi Phan Tấn Th2 và Lê Văn A đang nhận số tiền 50.000.000

đồng của chị Phan Hoàng Ngọc Tr (vợ của A2) tại quán nước giải khát của ông Lý Ngọc Th3 thuộc tổ 8, thôn TL, xã BT, huyện T1 thì bị Công an tỉnh Quảng Nam bắt quả tang.

Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích nhận định và đánh giá về tính chất, vai trò, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Từ đó bản án sơ thẩm đã xét xử: các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Nguyễn Quốc L1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị cáo Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); các bị cáo Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về mức hình phạt:

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do, đến quyền sở hữu tài sản của bị hại. Các bị cáo Nguyễn Quốc L1, Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; đồng thời, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Do đó không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K, Nguyễn Quốc L1, Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K, Nguyễn Quốc L1, Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 290; Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự: xét xử vắng mặt

các bị cáo Võ Quốc K, Nguyễn Thị N2.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K, Nguyễn Quốc L1, Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Tuyên bố:

Các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Quốc L1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 phạm tội “Đánh bạc”.

3.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Lê Văn A 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 19/02/2017 đến ngày 13/12/2017.

- Xử phạt bị cáo Võ Quốc K 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 24/02/2017 đến ngày 31/3/2017.

3.2. Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 26/6/2018 đến ngày 31/01/2019.

3.3. Áp dụng khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Phùng Long A2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3.4. Áp dụng khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Văn N1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Lê Trọng H3 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Võ Xuân Hoà 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Lê Văn A, Võ Quốc K, Nguyễn Quốc L1, Phùng Long A2, Lê Văn N1, Nguyễn Thị N2, Lê Trọng H3, Võ Xuân H4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào Nguyễn Tấn Long

Trần Quốc Cường